

BÁO CÁO TUẦN NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ



AGRO INFO

Báo cáo số 47

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2025 tại thị trường London đạt mức bình quân 4.850 USD/tấn, giảm 9,4% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2025 tại thị trường New York đạt mức bình quân 6.830 USD/tấn, giảm 2,7% so với tuần trước.
- ❖ Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) nguồn cung cà phê toàn cầu trong niên vụ cà phê niên vụ 2023/2024 giảm 5,83% so với niên vụ 2022/2023, đạt tổng cộng 178 triệu bao.
- ❖ Theo Liên đoàn Các nhà sản xuất Cà phê Quốc gia Colombia sản lượng cà phê của quốc gia này trong tháng 11 là 1.761.000 bao, tăng 37,36% so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Trong tuần từ ngày 02 đến 06/12/2024, giá cà phê thế giới giảm tại hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2025 tại thị trường London đạt 4.850 USD/tấn, giảm 9,4% so với tuần trước và tăng 85,8% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.116 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.633 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2025 bình quân đạt 6.830 USD/tấn, giảm 2,7% so với mức giá tuần trước, và tăng 68% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.330 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 6.560 USD/tấn. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Tình hình sản xuất và tiêu thụ cà phê thế giới

Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) đã giữ nguyên ước tính về nguồn cung cà phê toàn cầu trong niên vụ cà phê niên vụ 2023/2024 (từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024), với mức giảm 5,83% so với niên vụ 2022/2023, đạt tổng cộng 178 triệu bao. Tương tự, ICO cũng giữ nguyên ước tính về tiêu thụ cà phê toàn cầu trong niên vụ này, với mức tăng 2,25% so với năm trước, đạt tổng cộng 177,00 triệu bao. ICO dự kiến sẽ công bố các ước tính cho niên vụ cà phê hiện tại từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 9 năm 2025.[2]

Tình hình xuất khẩu cà phê thế giới

Theo báo cáo của ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 10/2024 tăng 15,09% so với cùng kỳ năm trước, đạt tổng cộng 11,32 triệu bao. Đây là tháng đầu tiên của niên vụ cà phê mới 2024/2025, tiếp nối niên vụ 2023/2024, với tổng xuất khẩu đạt 137,27 triệu bao. Trong đó, xuất khẩu cà phê của Nam Mỹ trong tháng 10 đã tăng 12,40% so với cùng kỳ năm trước, đạt 6,69 triệu bao. Brazil và Colombia là hai quốc gia xuất khẩu chính, với Brazil ghi nhận mức tăng 13,20%, đạt 4,94 triệu bao xuất khẩu trong tháng 10 năm 2024, và Colombia ghi nhận mức tăng 15%, đạt 1,34 triệu bao.[2]

Xuất khẩu từ châu Á cũng tăng, với Việt Nam, Ấn Độ và Indonesia ghi nhận mức tăng tổng cộng 15,20% so với cùng kỳ năm trước, đạt 2,49 triệu bao, chủ yếu nhờ vào mức tăng 42% từ Indonesia trong tháng 10. [2]

Xuất khẩu từ châu Phi đã tăng 31,90% so với năm trước, đạt 1,46 triệu bao, với đóng góp chính từ Ethiopia, nơi ghi nhận mức tăng 62,40% so với năm trước, đạt 600.000 bao.[2]

Xuất khẩu từ Mexico và các nước sản xuất Arabica chế biến ướt truyền thống ở Trung Mỹ (bao gồm Costa Rica, Guatemala, Honduras, Nicaragua và El Salvador) trong tháng 10 đã tăng 8,80% so với cùng kỳ năm trước, đạt 500.000 bao.[2]

Colombia

Liên đoàn Các nhà sản xuất Cà phê Quốc gia Colombia đã báo cáo rằng sản lượng cà phê của quốc gia này trong tháng 11 tăng 479.000 bao, (tương đương với 37,36%) so với cùng kỳ năm trước, với tổng sản lượng là 1.761.000 bao. [3]

Tính chung hai tháng đầu tiên của niên vụ cà phê 2024/2025 (từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 9 năm 2025) đạt 3.100.000 bao, tăng 661.000 bao, tương đương 27,10% so với cùng kỳ niên vụ trước. [3]

Bên cạnh đó, Liên đoàn Cà phê Colombia (FNC) cho biết xuất khẩu cà phê trong tháng 11 đạt 987.000 bao, tăng 84.000 bao, tương đương 7,60% so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu cà phê tích lũy trong hai tháng đầu của niên vụ cà phê hiện tại cũng đạt 2.236.000 bao, tăng 233.000 bao, tương đương 11,63% so với cùng kỳ niên vụ trước. [3]

FNC dự báo rằng sản lượng cà phê của Colombia, quốc gia sản xuất cà phê Arabica chế biến ướt chất lượng cao lớn nhất thế giới, có thể đạt 13,60 triệu bao, tăng 20% trong niên vụ cà phê từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 9 năm 2025. Báo cáo cho rằng sự thích nghi tích cực với biến đổi khí hậu là một trong những lý do góp phần làm tăng sản lượng này. [3]

Brazil

Chính phủ Brazil đã công bố dữ liệu sơ bộ cho thấy xuất khẩu cà phê xanh của nước này trong tháng 11 tăng 21,62% so với cùng kỳ năm trước, đạt tổng cộng 4.757.450 bao. Số liệu chi tiết về chủng loại cà phê xuất khẩu (Arabica, Robusta và cà phê hòa tan) dự kiến sẽ được công bố cụ thể trong thời gian tới.

Nguồn tham khảo:

[1]: <https://www.investing.com>

[2]: iandmsmith.com

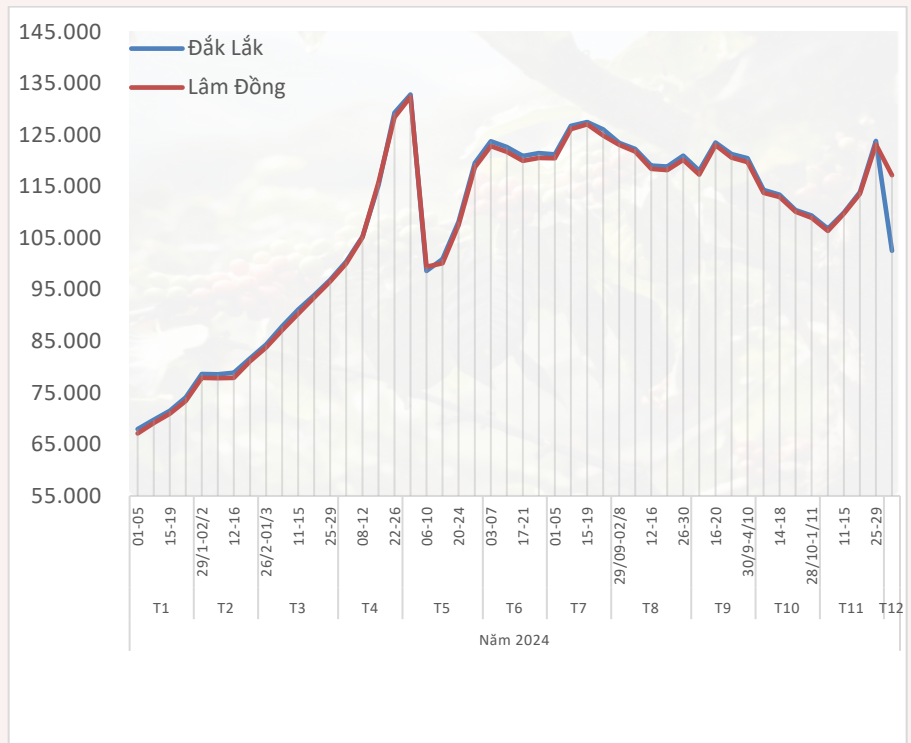
[3]: iandmsmith.com

[4]: Thông tấn xã Việt Nam

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê trung bình tại Tây Nguyên tăng so với tuần trước.
- ❖ Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam tháng 11/2024 đạt 45 nghìn tấn, trị giá 262 triệu USD, giảm 0,9% về lượng, nhưng tăng 0,8% về trị giá so với tháng 10/2024
- ❖ Tháng 11/2024, giá bình quân cà phê xuất khẩu ước đạt 5.818 USD/tấn.
- ❖ Tính chung 11 tháng năm nay, giá bình quân cà phê xuất khẩu ước đạt 4.838 USD/tấn, tăng 56,9% so với cùng kỳ năm 2023.
- ❖ Năm 2024 diện tích cà phê cho thu hoạch tỉnh Đắk Nông đạt 131.000ha. Tỉnh Đắk Nông dự kiến niên vụ 2024 tổng sản lượng cà phê đạt 350.000 tấn.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

DIỄN BIẾN GIÁ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ TỈNH

Trong tuần 02 đến 07/12/2024, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 117.839 VNĐ/kg, giảm 4,79% so với tuần trước, và tăng 96,9% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 129.933 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 108.030 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 117.200 VNĐ/kg, giảm 4,81% so với tuần trước, và tăng 98,78% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 129.700 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 107.000 VNĐ/kg. [1]

Giá cà phê trong tuần giảm do một số nguyên nhân sau: (1) Giá cà phê Robusta và Arabica trên các sàn giao dịch quốc tế giảm sâu, kéo theo giá cà phê trong nước đi xuống;(2) Nông dân và doanh nghiệp đẩy mạnh bán ra trong bối cảnh giá giảm, tạo áp lực lớn lên thị trường;(3) Hiện nay, các tỉnh Tây Nguyên đang vào mùa thu hoạch cà phê, làm gia tăng nguồn cung nhưng nhu cầu tiêu thụ chưa tăng tương ứng;(4) Các nhà đầu cơ có tâm lý lo ngại từ các chính sách quốc tế. Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) và các tuyên bố áp thuế của Tổng thống Mỹ Donald Trump đã tạo tâm lý bất ổn trên thị trường.[2]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THI TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê tháng 11 của Việt Nam

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam tháng 11/2024 đạt 45 nghìn tấn, trị giá 262 triệu USD, giảm 0,9% về lượng, nhưng tăng 0,8% về trị giá so với tháng 10/2024; giảm 62,0% về lượng và giảm 26,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.[3]

Tính chung, 11 tháng năm 2024, xuất khẩu mặt hàng này ước đạt gần 1,20 triệu tấn, trị giá 4,84 tỷ USD, giảm 15,4% về lượng, nhưng tăng 32,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Mặc dù lượng xuất khẩu giảm nhưng giá tăng mạnh nên kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam hiện đã vượt cả năm 2023 và thiết lập mốc kỷ lục mới.[3]

Cà phê là sản phẩm nông sản có giá tăng mạnh nhất trong số các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Tháng 11/2024, giá bình quân cà phê xuất khẩu ước đạt 5.818 USD/tấn - mức cao nhất từ trước đến nay. Tính chung 11 tháng năm nay, giá bình quân cà phê xuất khẩu ước đạt 4.838 USD/tấn, tăng 56,9% so với cùng kỳ năm 2023.[3]

Theo Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, tháng 11/2024, giá cà phê thế giới liên tục tăng và thiết lập kỷ lục mới do các nhà đầu tư đẩy mạnh mua vào và lo ngại nguồn cung chậm trễ từ Việt Nam, cùng với dự báo sản lượng giảm ở Brazil là những động lực giúp cà phê tăng mạnh.[3]

Nguồn cung cà phê thế giới giảm do nông dân Brazil giữ lại hàng với hy vọng giá sẽ tiếp tục tăng, trong khi cước vận tải tăng cao và tình trạng thiếu container làm giảm tốc độ lưu thông hàng hóa từ Brazil - nước sản xuất lớn nhất thế giới.[3]

Sơn La

Trong số 3 sản phẩm công nhận lại sản phẩm OCOP cấp quốc gia năm 2024, tỉnh Sơn La có sản phẩm cà phê bột nguyên chất của HTX Cà phê Bích Thao.[4]

HTX Cà phê Bích Thao, thành lập năm 2017, chuyên sản xuất cà phê Arabica trên diện tích 150 ha tại Sơn La. HTX được cấp chỉ dẫn địa lý "Cà phê Sơn La" và ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, bao gồm một nhà máy chế biến cà phê với công suất 20 tấn/ngày và các nhà kính phơi cà phê. Quy trình sản xuất tuân thủ các tiêu chuẩn VietGAP và UTZ, không sử dụng nước trong tách vỏ, bảo vệ môi trường. Sản phẩm cà phê của HTX được công nhận là sản phẩm OCOP 5 sao cấp quốc gia, góp phần nâng cao giá trị cà phê Sơn La và mở rộng thị trường quốc tế.[4]

Sơn La hiện chỉ chiếm khoảng 5% sản lượng cà phê cả nước nhưng lại dẫn đầu về diện tích trồng cà phê Arabica – giống cà phê đặc sản mang lại giá trị cao. Thành công của HTX Cà phê Bích Thao không chỉ góp phần khẳng định vị thế của cà phê Sơn La mà còn là minh chứng cho tiềm năng của nông nghiệp địa phương trong việc nâng cao giá trị sản phẩm, hướng tới phát triển bền vững.[4]

Đắk Nông

Năm 2024 diện tích cà phê cho thu hoạch tỉnh Đắk Nông đạt 131.000ha. Tỉnh Đắk Nông dự kiến niên vụ 2024 tổng sản lượng cà phê đạt 350.000 tấn. Năng suất cà phê bình quân chung toàn tỉnh ước đạt 2,6 tấn/ha. [5]

Nguồn tham khảo:

[1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên

[2]: nongnghiep.vn

[3]: Báo Công Thương

[4]: Báo Nông nghiệp

[5]: Báo Đắk Nông

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	129.700	127.800	108.000	107.000	113.500	117.200	-5.920
Di Linh	129.700	127.800	108.000	107.000	113.500	117.200	-5.920
Lâm Hà	129.700	127.800	108.000	107.000	113.500	117.200	-5.920
Bảo Lộc	129.700	127.800	108.000	107.000	113.500	117.200	-5.920
ĐẮK LẮK	129.933	128.033	108.933	108.033	114.533	117.893	-5.933
Cư M'gar	130.000	128.100	109.000	108.100	114.600	117.960	-5.920
Ea H'leo	129.900	128.000	108.900	108.000	114.500	117.860	-5.940
Buôn Hồ	129.900	128.000	108.900	108.000	114.500	117.860	-5.940
ĐẮK NÔNG	130.450	128.550	108.950	108.050	114.750	118.150	-5.860
Gia Nghĩa	130.500	128.600	109.000	108.100	114.800	118.200	-5.860
Đắk R'lấp	130.400	128.500	108.900	108.000	114.700	118.100	-5.860
GIA LAI	130.000	128.033	108.933	108.033	114.333	117.867	-5.827
Chư Prông	130.000	128.100	109.000	108.100	114.400	117.920	-5.840
Pleiku	130.000	128.000	108.900	108.000	114.300	117.840	-5.820
La Grai	130.000	128.000	108.900	108.000	114.300	117.840	-5.820
KON TUM	130.000	128.000	109.500	108.500	114.400	118.080	-5.640
Đắk Hà	130.000	128.000	109.500	108.500	114.400	118.080	-5.640

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn